

## BÀI 30: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ THÔNG TIN LIÊN LẠC

### 1. Giao thông vận tải (Atlas trang 23)

Loại hình	Sự phát triển	Các tuyến đường chính
Đường bộ (ô tô)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở rộng và hiện đại hóa</li> <li>- Mạng lưới phủ kín các vùng.</li> <li>- Phương tiện được nâng cao về số lượng và chất lượng.</li> <li>- Khối lượng vận chuyển và luân chuyển tăng nhanh.</li> <li>- Tồn tại: mật độ và chất lượng đường còn thấp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- QL1A</li> <li>- Đường Hồ Chí Minh</li> <li>- QL 5, 6, 9, 14...</li> </ul>
Đường sắt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài trên 3100 km</li> <li>- Trước 1991, phương tiện chậm, chất lượng phục vụ còn hạn chế. Hiện nay đang được nâng cao.</li> <li>- Khối lượng vận chuyển và luân chuyển ngày càng tăng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường B – N</li> <li>- Các tuyến khác: HN – HP, HN – Lào Cai, HN – Thái Nguyên</li> </ul>
Đường sông	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài 11000 km</li> <li>- Phương tiện vận tải khá đa dạng nhưng ít được cải tiến và hiện đại hóa.</li> <li>- Có nhiều cảng sông với 30 cảng chính</li> <li>- Khối lượng vận chuyển và luân chuyển tăng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống sông Hồng – Thái Bình.</li> <li>- Hệ thống sông Cửu Long – Đồng Nai.</li> <li>- Một số sông ở miền Trung.</li> </ul>
Đường biển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh, kín gió...thuận lợi cho vận tải đường biển.</li> <li>- Nước ta có 73 cảng biển, các cảng biển liên tục được cải tạo để nâng cao công suất bốc, dỡ hàng hóa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hải Phòng – TP Hồ Chí Minh</li> <li>- Hải Phòng – Đà Nẵng.</li> </ul>
Đường hàng không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là ngành còn non trẻ nhưng có bước tiến nhanh.</li> <li>- Khối lượng vận chuyển và luân chuyển tăng nhanh.</li> <li>- Năm 2005, cả nước có 19 sân bay (trong đó có 5 sân bay quốc tế).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường bay trong nước: HN – ĐN – TPHCM và ngược lại.</li> <li>- Một số đường bay đến các nước trong khu vực và thế giới...</li> </ul>
Đường ống	Gắn với sự phát triển của ngành dầu khí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phía Bắc: Tuyến đường (Bãi Cháy – Hạ Long) vận chuyển xăng dầu.</li> <li>- Phía Nam: đường ống dẫn dầu từ thềm lục địa vào đất liền.</li> </ul>

→ Nhìn chung ngành GTVT nước ta đã có sự hội nhập với các tuyến trong khu vực...

### 2. Ngành thông tin liên lạc

#### a. Bưu chính

- Là ngành chủ yếu mang tính phục vụ, mạng lưới rộng khắp
- Hạn chế: mạng lưới phân bố chưa đều, ở miền núi, hải đảo còn chưa phát triển, công nghệ lạc hậu, thiếu lao động có trình độ...
- Hướng phát triển: theo hướng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa...đẩy mạnh hoạt động kinh doanh.

#### b. Viễn thông

- Tốc độ phát triển nhanh vượt bậc và đón đầu các thành tựu kỹ thuật hiện đại.
- Trước thời kì đổi mới, mạng lưới và thiết bị viễn thông còn cũ kĩ, lạc hậu, các dịch vụ viễn thông nghèo nàn.
- Những năm gần đây, tăng trưởng với tốc độ cao, trung bình > 30% năm. Điện thoại đã đến hầu hết các xã trên toàn quốc.
- Mạng lưới viễn thông của nước ta tương đối đa dạng và không ngừng phát triển: mạng điện thoại, phi thoại và truyền dẫn...

## CÂU HỎI LUYỆN TẬP:

**Câu 1.** Tuyến đường xương sống của cả hệ thống đường bộ nước ta là

- A. quốc lộ 1.                      B. đường Hồ Chí Minh.                      C. đường 14.                      D. đường 9.

**Câu 2.** Quốc lộ 1 không đi qua vùng kinh tế nào ở nước ta ?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.                      B. Tây Nguyên.  
C. Đông Nam Bộ.                      D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 3.** Trục đường bộ xuyên quốc gia thứ 2 có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của dải đất phía tây đất nước là

- A. đường 26.                      B. đường 9.                      C. đường 14.                      D. đường Hồ Chí Minh.

**Câu 4.** Đặc điểm nổi bật của ngành bưu chính nước ta là

- A. tính phục vụ cao, mạng lưới rộng khắp.                      B. mạng lưới phân bố đều khắp ở các vùng.  
C. có trình độ kỹ thuật - công nghệ hiện đại.                      D. đã ngang bằng trình độ chuẩn của khu vực.

**Câu 5.** Ngành viễn thông nước ta có đặc điểm nào sau đây ?

- A. Có tính phục vụ cao, mạng lưới rộng khắp nhưng chưa đạt chuẩn  
B. Công nghệ còn lạc hậu, quy trình nghiệp vụ còn thủ công.  
C. Chưa đạt được chuẩn của quốc tế và khu vực Đông Nam Á.  
D. Tốc độ phát triển nhanh vượt bậc, đón đầu được thành tựu kỹ thuật hiện đại.

**Câu 6.** Cảng biển làm nhiệm vụ vận chuyển các mặt hàng xuất, nhập khẩu ở khu vực phía Bắc

- A. Cảng Hải Phòng.                      B. Cảng Đà Nẵng.  
C. Cảng Cửa Ông.                      D. Cảng Dung Quất.

**Câu 7.** Nước ta có mạng lưới giao thông vận tải khá hoàn chỉnh, điều đó được thể hiện ở chỗ

- A. nước ta có đầy đủ các loại hình giao thông vận tải.  
B. giao thông vận tải phục vụ đắc lực cho công cuộc phát triển.  
C. giao thông trong nước đã kết nối với hệ thống của khu vực.  
D. có sự phối hợp hoạt động nhịp nhàng giữa các loại hình.

**Câu 8.** Điểm khó khăn về mạng lưới đường sông nước ta là

- A. trang bị các cảng sông và phương tiện nghèo nàn.  
B. các phương tiện vận tải ít được đầu tư, cải tiến.  
C. các luồng lạch bị sa bồi và thay đổi thất thường về độ sâu.  
D. tổng năng lượng bốc xếp của các cảng còn thấp.

**Câu 9.** Tây Nguyên được nối với Đông Nam Bộ bằng các tuyến

- A. quốc lộ 19 và 21.                      B. quốc lộ 14 và 19.  
C. quốc lộ 14 và 20.                      D. quốc lộ 20 và 21.

**Câu 10.** Khó khăn lớn nhất của ngành bưu chính nước ta hiện nay là

- A. mạng lưới phân bố chưa đều, công nghệ lạc hậu.  
B. quy trình nghiệp vụ ở các địa phương mang tính thủ công.  
C. thiếu đồng bộ, tốc độ vận chuyển thư tín chậm.  
D. bưu chính nước ta thiếu lao động có trình độ cao.

**Câu 11.** Trong những năm qua ngành vận tải đường biển của nước ta phát triển nhanh chủ yếu do

- A. nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển ngành đường biển.  
B. nước ta đang thực hiện mở cửa, quan hệ quốc tế ngày càng tăng.  
C. ngành dầu khí phát triển mạnh, vận chuyển chủ yếu bằng đường biển.  
D. ngoại thương nước ta phát triển mạnh, lượng hàng xuất nhập khẩu lớn.

**Câu 12.** Ngành đường biển của nước ta có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn chủ yếu do

- A. Nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển ngành đường biển.  
B. Nước ta có đội tàu buôn lớn lại được trang bị hiện đại.  
C. Vận tải đường biển chủ yếu là vận chuyển quốc tế nên có đường dài.  
D. Ngoại thương nước ta phát triển mạnh, lượng hàng xuất nhập khẩu lớn.

**Câu 13.** Mạng lưới giao thông vận tải ở nước ta còn chậm phát triển chủ yếu do

- A. điều kiện tự nhiên không thuận lợi.                      B. thiếu vốn đầu tư để phát triển.  
C. dân cư phân bố không đồng đều.                      D. trình độ công nghiệp hóa còn thấp.

**Câu 14.** Ý nào sau đây **không phải** là điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển giao thông đường biển?

- A. Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh.                      B. Nhiều đảo, quần đảo ven bờ.  
C. Có các dòng biển chạy ven bờ.                      D. Nằm trên đường hàng hải quốc tế.

## BÀI 31. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

### 1. Thương mại (*Átlat trang 24*)

#### a. Nội thương

##### - Tình hình phát triển

- + Cả nước đã hình thành thị trường thống nhất.
- + Hàng hóa phong phú đa dạng đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân.
- + Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng
- + Nội thương đã thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Cơ cấu hoạt động nội thương phân theo thành phần kinh tế có sự thay đổi theo hướng giảm tỉ trọng khu vực nhà nước, tăng tỉ trọng khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

##### - Phân bố

- + Tập trung ở các vùng kinh tế phát triển, đông dân như ĐNB, ĐBSH. Các trung tâm buôn bán lớn nhất cả nước là Hà Nội, Tp.HCM.

#### b. Ngoại thương

##### - Tình hình chung: ngoại thương chuyển biến rõ rệt từ sau đổi mới

- + Thị trường buôn bán được mở rộng theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa.
- + Tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng nhanh, liên tục.
- + Cán cân xuất nhập khẩu có sự thay đổi :

##### - **Xuất khẩu:**

- + Kim ngạch XK tăng liên tục
- + Các mặt hàng XK bao gồm: sản phẩm công nghiệp, khoáng sản, nông sản. Tuy nhiên tỉ lệ gia công cao, tỉ lệ hàng đã qua chế biến thấp và tăng chậm.
- + Thị trường XK lớn: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc.

##### - **Nhập khẩu:**

- + Kim ngạch nhập khẩu liên tục tăng
- + Các mặt hàng NK: chủ yếu là nguyên liệu, tư liệu SX, một phần nhỏ là hàng tiêu dùng.
- + Thị trường NK chủ yếu: Châu Á – TBD, châu Âu.

- **Phân bố:** không đều theo vùng và theo tỉnh; hai vùng ngoại thương phát triển nhất là Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng.

### 2. Du lịch (*Átlat trang 25*)

#### a. Tài nguyên du lịch

\* **Khái niệm:** Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, di tích cách mạng, giá trị nhân văn, công trình lao động sáng tạo của con người có thể được sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các điểm du lịch, khu du lịch nhằm tạo sự hấp dẫn du lịch.

\* **Phân loại:** Gồm tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn:

- + **Tài nguyên du lịch tự nhiên:** phong phú và đa dạng, gồm: địa hình, khí hậu, nước, sinh vật.
- + **Tài nguyên du lịch nhân văn:** các di tích văn hoá – lịch sử, các lễ hội, văn hoá dân tộc, văn nghệ dân gian và hàng loạt làng nghề truyền thống ...

#### b. Tình hình phát triển du lịch và các trung tâm du lịch chủ yếu

- Hình thành từ những năm 60 của thế kỉ XX phát triển nhanh từ đầu thập kỷ 90 đến nay nhờ có chính sách Đổi mới của nhà nước.
- Nước ta chia làm 3 vùng du lịch: vùng du lịch Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.
- Các trung tâm du lịch lớn: HN, Tp.HCM, Huế - Đà Nẵng, Hạ Long, Vũng Tàu, Cần Thơ...
- Việc phát triển du lịch cần gắn với những vấn đề bảo vệ môi trường, giữ gìn, phát huy các tài nguyên du lịch, nhất là các di sản thiên nhiên, di sản văn hóa thế giới tại VN.
- Cần có nhiều giải pháp đồng bộ như: Tạo ra các sản phẩm du lịch độc đáo, tôn tạo và bảo vệ tài nguyên - môi trường gắn với lợi ích cộng đồng, tổ chức thực hiện theo quy hoạch, giáo dục - đào tạo về du lịch...

### CÂU HỎI LUYỆN TẬP:

**Câu 1.** Tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm

- A. di tích, lễ hội .                      B. địa hình , di tích.                      C. di tích, khí hậu.                      D. lễ hội , địa hình.

**Câu 2.** Thị trường nhập khẩu lớn nhất của nước ta hiện nay là

- A. thị trường các nước châu Mỹ và châu Đại dương.                      B. thị trường các nước châu Âu.  
C. khu vực châu Á- Thái Bình Dương.                      D. thị trường các nước Đông Âu và Nga.

**Câu 3.** Đặc điểm nào **không đúng** với hoạt động nội thương của nước ta sau thời kì Đổi mới?

- A. Nội thương chủ yếu do thành phần kinh tế Nhà nước nắm giữ.

- B. Cả nước có một thị trường thống nhất, tự do lưu thông hàng hoá.
- C. Hàng hoá ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu của người dân.
- D. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng.

**Câu 4.** Hai di sản thiên nhiên của Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản của thế giới, gồm

- A. Phố cổ Hội An và di tích Mỹ Sơn.
- B. Vịnh Hạ Long và Phong Nha – Kẻ Bàng.
- C. Cố đô Huế và phố cổ Hội An.
- D. Phố cổ Hội An và Cố đô Huế.

**Câu 5.** Hạn chế lớn nhất của các mặt hàng chế biến phục vụ xuất khẩu ở nước ta là

- A. chất lượng sản phẩm chưa cao.
- B. giá trị thuế xuất khẩu cao.
- C. tỉ trọng mặt hàng gia công lớn.
- D. làm tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường.

**Câu 6.** Sự phân hóa lãnh thổ du lịch nước ta phụ thuộc vào các yếu tố nào sau đây?

- A. Số lượng du khách đến tham quan.
- B. Vị trí địa lí và tài nguyên du lịch.
- C. Tiềm năng du lịch ở các vùng xa.
- D. Chất lượng đội ngũ trong ngành.

**Câu 7.** Di sản nào sau đây **không phải** là di sản văn hóa phi vật thể của thế giới tại Việt Nam?

- A. Văn hóa công chiêng Tây nguyên.
- B. Di sản nhã nhạc cung đình Huế.
- C. Di sản quần thể di tích cố đô Huế.
- D. Di sản hát quan họ Bắc Ninh.

**Câu 8.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, thị trường xuất khẩu trên 6 tỉ đô là Mỹ của VN là

- A. Hoa Kỳ, Nhật Bản.
- B. Nhật Bản, Trung Quốc.
- C. Trung Quốc, Hoa Kỳ.
- D. Nhật Bản, Xingapo.

**Câu 9.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, trung tâm du lịch quốc gia của nước ta là

- A. Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.
- B. Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, TP. HCM.
- C. Hà Nội, Huế, Khánh Hòa, TP. Hồ Chí Minh.
- D. Hà Nội, Huế, Nha Trang, TP. Hồ Chí Minh.

**Câu 10.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, đâu là một điểm thắng cảnh nổi tiếng ở miền Bắc?

- A. Điện Biên.
- B. Hang Chui.
- C. Ba Bể
- D. Sapa

**Câu 11.** Cho bảng số liệu:

Tình hình xuất – nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2000 – 2014 (Đơn vị: triệu USD)

Năm	2000	2005	2010	2014
Giá trị xuất khẩu	14,5	32,4	72,2	150,2
Giá trị nhập khẩu	15,6	36,8	84,8	147,8
Cán cân xuất-nhập khẩu	- 1,1	- 4,4	- 12,6	2,4

Cho biết nhận xét nào dưới đây **không đúng** về tình hình xuất-nhập khẩu ở nước ta trong giai đoạn 2000 – 2014?

- A. Giá trị nhập khẩu tăng nhanh và liên tục.
- B. Giá trị xuất khẩu tăng nhanh và liên tục.
- C. Giá trị xuất khẩu tăng nhanh hơn giá trị nhập khẩu.
- D. Nước ta luôn ở trong tình trạng nhập siêu.

**Câu 12.** Cho bảng số liệu:

Giá trị nhập khẩu hàng hoá phân theo khu vực kinh tế trong giai đoạn 2000 – 2014 (Đơn vị: triệu USD)

Năm	2000	2014
Khu vực kinh tế trong nước	11284,5	63638,2
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	4352,0	84210,9
Tổng	15636,5	147849,1

Để thể hiện quy mô, cơ cấu kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của nước ta trong hai năm 2000 và 2014, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ miền.
- B. Biểu đồ tròn.
- C. Biểu đồ cột.
- D. Biểu đồ đường.